

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH SÁCH CÁC PHƯƠNG TIỆN ĐÃ ĐƯỢC CẤP PHÙ HIỆU THÁNG 4 NĂM 2025**  
*(từ ngày 15/3/2025 đến hết ngày 14/4/2025)*

(Kèm theo Thông báo số:        /TB-SXD ngày    /4/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng)

| STT | Đơn vị quản lý                                  | Biển số  | Số Phù hiệu  | Ngày cấp   | Ngày hết hạn | Loại Phù hiệu    | Địa chỉ trụ sở chính                                                         | Tuyến                                                                                                    | Cấp (đổi) loại phù hiệu       | Số ghế/<br>Tải trọng<br>(kg) |
|-----|-------------------------------------------------|----------|--------------|------------|--------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| 1   | CN Công ty TNHH vận chuyển hành khách Mỹ Duyên  | 50H78010 | TC9425000024 | 24/03/2025 | 31/12/2027   | Xe Trung chuyển  | O-LK 09-30 đường số 7, KĐT 5A, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng |                                                                                                          | Cấp mới phù hiệu trung chuyển | 15                           |
| 2   | CN Công ty TNHH vận chuyển hành khách Mỹ Duyên  | 51H08435 | TC9425000036 | 02/04/2025 | 31/03/2030   | Xe Trung chuyển  |                                                                              |                                                                                                          | Cấp mới phù hiệu trung chuyển | 6                            |
| 3   | CN Công ty TNHH vận chuyển hành khách Mỹ Duyên  | 51H08157 | TC9425000037 | 02/04/2025 | 31/03/2030   | Xe Trung chuyển  |                                                                              |                                                                                                          | Cấp mới phù hiệu trung chuyển | 6                            |
| 4   | CN Hợp tác xã Hòa Bình Xanh tại Sóc Trăng       | 83E00506 | XT9425000080 | 19/03/2025 | 18/03/2029   | Xe Taxi          |                                                                              |                                                                                                          | Cấp mới phù hiệu xe taxi      | 5                            |
| 5   | CN Hợp tác xã Hòa Bình Xanh tại Sóc Trăng       | 83A06406 | HD9425000220 | 26/03/2025 | 26/03/2027   | Xe hợp đồng đồ   |                                                                              |                                                                                                          | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng  | 5                            |
| 6   | CN Hợp tác xã Hòa Bình Xanh tại Sóc Trăng       | 83H01073 | TX9425000085 | 27/03/2025 | 26/03/2029   | Xe Taxi          |                                                                              |                                                                                                          | Cấp mới phù hiệu xe taxi      | 7                            |
| 7   | CN Hợp tác xã Hòa Bình Xanh tại Sóc Trăng       | 83H02545 | TX9425000086 | 08/04/2025 | 04/04/2029   | Xe Taxi          |                                                                              |                                                                                                          | Cấp mới phù hiệu xe taxi      | 7                            |
| 8   | CN-ST Cty CP xe khách Phương Trang Futabuslines | 50H40242 | CD9425000046 | 25/03/2025 | 25/03/2032   | Xe tuyến cố định | Số 38, Lê Duẩn, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng                | <u>Tuyến 1</u> Vĩnh Châu ( ST ) - Bến Cát ( Bình Dương, <u>Tuyến 2</u> :Vĩnh Châu (ST) -Miền Tây( TPHCM) | Cấp mới xe tuyến cố định      | 36                           |
| 9   | CN-ST Cty CP xe khách Phương Trang Futabuslines | 50H40295 | CD9425000047 | 25/03/2025 | 25/03/2032   | Xe tuyến cố định |                                                                              | <u>Tuyến 1</u> Vĩnh Châu ( ST ) - Bến Cát ( Bình Dương, <u>Tuyến 2</u> :Vĩnh Châu (ST) -Miền Tây( TPHCM) | Cấp mới xe tuyến cố định      | 36                           |
| 10  | CN-ST Cty CP xe khách Phương Trang Futabuslines | 50H83573 | TC9425000029 | 26/03/2025 | 26/03/2032   | Xe Trung chuyển  |                                                                              | Vĩnh Châu- Bến cát                                                                                       | Cấp mới phù hiệu trung chuyển | 15                           |
| 11  | CN-ST Cty CP xe khách Phương Trang Futabuslines | 50H83625 | TC9425000030 | 26/03/2025 | 26/03/2032   | Xe Trung chuyển  |                                                                              | Vĩnh Châu- Bến cát                                                                                       | Cấp mới phù hiệu trung chuyển | 15                           |
| 12  | CN-ST Cty CP xe khách Phương Trang Futabuslines | 50H84293 | TC9425000031 | 26/03/2025 | 26/03/2032   | Xe Trung chuyển  |                                                                              | Vĩnh Châu- Bến cát                                                                                       | Cấp mới phù hiệu trung chuyển | 15                           |
| 13  | CN-ST Cty CP xe khách Phương Trang Futabuslines | 50H84583 | TC9425000032 | 26/03/2025 | 26/03/2032   | Xe Trung chuyển  |                                                                              | Vĩnh Châu- Bến cát                                                                                       | Cấp mới phù hiệu trung chuyển | 15                           |
| 14  | CN-ST Cty CP xe khách Phương Trang Futabuslines | 50H40207 | CD9425000049 | 27/03/2025 | 27/03/2032   | Xe tuyến cố định |                                                                              | <u>Tuyến 1</u> Vĩnh Châu ( ST ) - Bến Cát ( Bình Dương, <u>Tuyến 2</u> :Vĩnh Châu (ST) -Miền Tây( TPHCM) | Cấp mới xe tuyến cố định      | 36                           |
| 15  | CN-ST Cty CP xe khách Phương Trang Futabuslines | 50H87824 | TC9425000033 | 31/03/2025 | 31/03/2032   | Xe Trung chuyển  |                                                                              | Vĩnh Châu- Bến cát                                                                                       | Cấp mới phù hiệu trung chuyển | 15                           |
| 16  | Công ty Cổ phần Vĩnh Thành                      | 83H02578 | XT9425000214 | 06/04/2025 | 06/04/2032   | Xe tải           | 70 Nguyễn Đình Chiểu, P4, TP Sóc Trăng                                       |                                                                                                          | Cấp mới phù hiệu xe tải       | 16,000                       |

| STT | Đơn vị quản lý         | Biển số  | Số Phù hiệu  | Ngày cấp   | Ngày hết hạn | Loại Phù hiệu    | Địa chỉ trụ sở chính                                                       | Tuyển | Cấp (đổi) loại phù hiệu      | Số ghế/<br>Tải trọng<br>(kg) |
|-----|------------------------|----------|--------------|------------|--------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------|------------------------------|
| 17  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83B01001 | HD9425000200 | 17/03/2025 | 26/03/2027   | Xe hợp đồng đỏ   | BĐ-03, DDA, KDC<br>Minh Châu, phường 7,<br>Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc<br>Trăng |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 18  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83B00995 | HD9425000201 | 17/03/2025 | 25/03/2026   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 29                           |
| 19  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83B00641 | HD9425000202 | 17/03/2025 | 25/03/2028   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 20  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83C07388 | XT9425000196 | 18/03/2025 | 27/03/2026   | Xe tải           |                                                                            |       | Cấp mới phù hiệu xe tải      | 9,050                        |
| 21  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83C04303 | XT9425000197 | 18/03/2025 | 30/03/2027   | Xe tải           |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe tải      | 6,350                        |
| 22  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83B01339 | HD9425000204 | 18/03/2025 | 25/03/2026   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 23  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83B00545 | HD9425000207 | 18/03/2025 | 25/03/2026   | Xe hợp đồng xanh |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 28                           |
| 24  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83B01199 | HD9425000208 | 18/03/2025 | 01/04/2027   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 25  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83B00662 | HD9425000209 | 20/03/2025 | 25/03/2027   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 26  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83B00662 | HD9425000209 | 20/03/2025 | 25/03/2026   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 29                           |
| 27  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 68H05420 | HD9425000211 | 20/03/2025 | 30/05/2028   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                            |       | Cấp mới phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 28  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 51B04653 | HD9425000212 | 21/03/2025 | 31/12/2028   | Xe hợp đồng xanh |                                                                            |       | Cấp mới phù hiệu xe hợp đồng | 29                           |
| 29  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83B01053 | HD9425000213 | 21/03/2025 | 30/03/2027   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 30  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83B00847 | HD9425000214 | 24/03/2025 | 30/03/2026   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 31  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83C01628 | XT9425000199 | 24/03/2025 | 30/03/2026   | Xe tải           |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe tải      | 4,100                        |
| 32  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83B00908 | HD9425000216 | 25/03/2025 | 05/04/2026   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 33  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83L3088  | HD9425000218 | 25/03/2025 | 28/03/2026   | Xe hợp đồng xanh |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 34  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83H00663 | XT9425000200 | 25/03/2025 | 30/03/2026   | Xe tải           |                                                                            |       | Cấp mới phù hiệu xe tải      | 14,800                       |
| 35  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83H01549 | XT9425000202 | 26/03/2025 | 30/03/2028   | Xe tải           |                                                                            |       | Cấp mới phù hiệu xe tải      | 3,495                        |
| 36  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83L1783  | XT9425000203 | 27/03/2025 | 10/04/2026   | Xe tải           |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe tải      | 15,700                       |
| 37  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83C08128 | XT9425000205 | 28/03/2025 | 10/04/2026   | Xe tải           |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe tải      | 3,490                        |
| 38  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83B01046 | HD9425000221 | 28/03/2025 | 10/04/2026   | Xe tải           |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 39  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83H02245 | XT9425000208 | 31/03/2025 | 04/03/2027   | Xe tải           |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe tải      | 6,350                        |
| 40  | Công ty TNHH Sơn Phụng | 83B00711 | HD9425000222 | 31/03/2025 | 10/04/2027   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                            |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |

| STT | Đơn vị quản lý                      | Biển số  | Số Phù hiệu  | Ngày cấp   | Ngày hết hạn | Loại Phù hiệu    | Địa chỉ trụ sở chính                                                               | Tuyến | Cấp (đổi) loại phù hiệu      | Số ghế/<br>Tải trọng<br>(kg) |
|-----|-------------------------------------|----------|--------------|------------|--------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------|------------------------------|
| 41  | Công ty TNHH Sơn Phụng              | 83C02601 | XT9425000209 | 01/04/2025 | 10/04/2026   | Xe tải           |                                                                                    |       | Cấp lại phù hiệu xe tải      | 17,500                       |
| 42  | Công ty TNHH Sơn Phụng              | 95C04013 | XT9425000213 | 02/04/2025 | 10/04/2026   | Xe tải           |                                                                                    |       | Cấp lại phù hiệu xe tải      | 6,850                        |
| 43  | Công ty TNHH Sơn Phụng              | 83H01565 | HD9425000227 | 02/04/2025 | 10/04/2027   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                                    |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 40                           |
| 44  | Công ty TNHH Sơn Phụng              | 83B00587 | HD9425000239 | 08/04/2025 | 20/04/2026   | Xe hợp đồng xanh |                                                                                    |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 45  | Công ty TNHH Sơn Phụng              | 83H02546 | HD9425000240 | 08/04/2025 | 11/04/2028   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                                    |       | Cấp mới phù hiệu xe hợp đồng | 5                            |
| 46  | Công ty TNHH Sơn Phụng              | 83C06860 | XT9425000215 | 08/04/2025 | 12/04/2026   | Xe tải           |                                                                                    |       | Cấp lại phù hiệu xe tải      | 5,350                        |
| 47  | Công ty TNHH Sơn Phụng              | 83F00032 | HD9425000241 | 09/04/2025 | 15/06/2026   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                                    |       | Cấp mới phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 48  | Công ty TNHH Sơn Phụng              | 71H03726 | HD9425000243 | 09/04/2025 | 18/09/2026   | Xe hợp đồng xanh |                                                                                    |       | Cấp mới phù hiệu xe hợp đồng | 29                           |
| 49  | Công ty TNHH Sơn Phụng              | 83B01117 | HD9425000224 | 10/04/2025 | 18/04/2028   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                                    |       | Cấp mới phù hiệu xe hợp đồng | 18                           |
| 50  | Công ty TNHH Sơn Phụng              | 83F00080 | HD9425000246 | 10/04/2025 | 20/04/2026   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                                    |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 51  | Công ty TNHH Sơn Phụng              | 83H01853 | XT9425000220 | 10/04/2025 | 16/04/2026   | Xe tải           |                                                                                    |       | Cấp mới phù hiệu xe tải      | 2,800                        |
| 52  | Công ty TNHH Sơn Phụng              | 83H00831 | HD9425000253 | 11/04/2025 | 18/04/2026   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                                    |       | Cấp mới phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 53  | Công ty TNHH TMDV vận tải Hữu Phước | 64H04793 | HD9425000236 | 08/04/2025 | 31/12/2026   | Xe hợp đồng xanh | Số 599/6, ấp An Nghiệp, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng                    |       | Cấp mới phù hiệu xe hợp đồng | 28                           |
| 54  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến          | 83F00286 | HD9425000203 | 17/03/2025 | 21/03/2026   | Xe hợp đồng đỏ   | O-LK 03-21 đường D3, KĐT 5A, khóm 4, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng |       | Cấp mới phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 55  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến          | 83H00436 | XT9425000193 | 17/03/2025 | 20/03/2026   | Xe tải           |                                                                                    |       | Cấp mới phù hiệu xe tải      | 19,400                       |
| 56  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến          | 83B00857 | HD9425000205 | 18/03/2025 | 25/03/2026   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                                    |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 57  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến          | 83B00890 | HD9425000206 | 18/03/2025 | 25/03/2026   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                                    |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 58  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến          | 83H02562 | XT9425000198 | 21/03/2025 | 30/03/2026   | Xe tải           |                                                                                    |       | Cấp mới phù hiệu xe tải      | 17,900                       |
| 59  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến          | 83H01702 | HD9425000219 | 26/03/2025 | 31/03/2026   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                                    |       | Cấp mới phù hiệu xe hợp đồng | 28                           |
| 60  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến          | 83H00873 | XT9425000211 | 01/04/2025 | 05/04/2026   | Xe tải           |                                                                                    |       | Cấp lại phù hiệu xe tải      | 4,650                        |
| 61  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến          | 83F00083 | HD9425000228 | 03/04/2025 | 08/04/2026   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                                    |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 29                           |
| 62  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến          | 84B00939 | HD9425000237 | 08/04/2025 | 13/04/2026   | Xe hợp đồng xanh |                                                                                    |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 33                           |
| 63  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến          | 83F00559 | HD9425000238 | 08/04/2025 | 13/04/2026   | Xe hợp đồng đỏ   |                                                                                    |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |

| STT | Đơn vị quản lý                     | Biển số  | Số Phù hiệu  | Ngày cấp   | Ngày hết hạn | Loại Phù hiệu  | Địa chỉ trụ sở chính                                              | Tuyển | Cấp (đổi) loại phù hiệu      | Số ghế/<br>Tải trọng<br>(kg) |
|-----|------------------------------------|----------|--------------|------------|--------------|----------------|-------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------|------------------------------|
| 64  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến         | 83C09859 | XT9425000219 | 08/04/2025 | 14/04/2026   | Xe tải         |                                                                   |       | Cấp lại phù hiệu xe tải      | 5,500                        |
| 65  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến         | 83F00009 | HD9425000245 | 10/04/2025 | 15/04/2026   | Xe hợp đồng đỏ |                                                                   |       | Cấp lại phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 66  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến         | 83F00420 | HD9425000251 | 11/04/2025 | 16/04/2026   | Xe hợp đồng đỏ |                                                                   |       | Cấp mới phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 67  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến         | 83H02576 | HD9425000252 | 11/04/2025 | 16/04/2026   | Xe hợp đồng đỏ |                                                                   |       | Cấp mới phù hiệu xe hợp đồng | 16                           |
| 68  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến         | 83C03099 | XT9425000221 | 11/04/2025 | 20/4/2026    | Xe tải         |                                                                   |       | Cấp lại phù hiệu xe tải      | 4,880                        |
| 69  | Công ty TNHH VT Thuận Tiến         | 83H01653 | HD9425000258 | 14/04/2025 | 20/4/2026    | Xe hợp đồng đỏ |                                                                   |       | Cấp mới phù hiệu xe hợp đồng | 29                           |
| 70  | Cty Cổ Phần Vận Tải tỉnh Sóc Trăng | 83H02542 | XB9425000003 | 10/04/2025 | 10/04/2032   | Xe Buýt        | Số 27 Quốc lộ 1, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng    |       | Cấp mới phù hiệu xe buýt     | 19                           |
| 71  | Cty Cổ Phần Vận Tải tỉnh Sóc Trăng | 83H02557 | XB9425000004 | 10/04/2025 | 10/04/2032   | Xe Buýt        |                                                                   |       | Cấp mới phù hiệu xe buýt     | 19                           |
| 72  | HTX Thủy Bộ                        | 83H02346 | XT9425000222 | 14/04/2025 | 20/4/2027    | Xe tải         | Số 376, ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng |       | Cấp mới phù hiệu xe tải      | 3,200                        |